

Bản án số: 357/2026/DS-PT

Ngày 11 – 5 – 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí

Các Thẩm phán: Bà Tiêu Hồng Phượng.

Ông Đỗ Cao Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2026/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026, của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 283/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965. CCCD: 095165006805 cấp ngày 15/10/2024 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau.

2. **Bị đơn:**

2.1. Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1959. CCCD: 095159004605 cấp ngày 14/8/2021 (có mặt).

2.2. Ông **Võ Văn H1**, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị C: Ông **Huỳnh Văn V** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ Văn H1: Ông **Nguyễn Chánh T** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn; Ông Võ Văn H1, bà Trần Thị C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Trước đây bà cho bà Trần Thị C, ông Võ Văn H1 vay nhiều lần tổng số tiền là 800.000.000 đồng. Ngày 29/5/2012, bà có cho bà C mượn số tiền 100.000.000 đồng để bà C trả nợ Ngân hàng để lấy sổ đỏ về. Ngày 28/8/2013, giữa bà và bà C, ông H1 làm biên bản thỏa thuận nội dung “tổng số tiền vay nợ là 800.000.0000 đồng và số tiền 100.000.000 đồng để chuộc sổ đỏ”. Đồng thời hai bên có thỏa thuận bà C sẽ bán đất cho bà để trả nợ và sẽ căn trừ trước số tiền vay 500.000.000 đồng và số tiền 100.000.000 đồng để chuộc bằng khoán. Do đó mặt sau tờ biên nhận có ghi thêm nội dung: “Sau khi thỏa thuận chị C chấp nhận còn nợ lại 300.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm không ăn lời, quá thời hạn 01 năm sẽ tính lời”. Tuy nhiên, giữa bà và bà C, ông H1 không thỏa thuận được việc bán đất do phần đất còn đang tranh chấp. Năm 2014, bà có làm đơn thừa bà C, ông H1 tại Ban nhân dân ấp Thị Trấn A yêu cầu ông H1, bà C trả nợ nhưng bà C hứa hẹn nhưng không thực hiện trả nợ. Từ ngày 01/11/ 2018 (âm lịch) đến ngày 28/6/2025 thì bà C có trả tiền lãi cho bà đối với số tiền 100.000.000 đồng. Khi trả tiền thì có ghi sổ. Tổng số tiền lãi mà bà C đã trả là 60.800.000 đồng.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị C và ông Võ Văn H1 trả số tiền gốc là 900.000.000 đồng (trong đó tiền vay là 800.000.000 đồng, tiền chuộc sổ đỏ là 100.000.000 đồng)

Bà yêu cầu tính tiền lãi số tiền 800.000.000 đồng từ ngày 28/8/2013 đến ngày xét xử, lãi suất 10%/năm.

Số tiền 100.000.000 đồng, bà yêu cầu tính lãi kể từ ngày 29/5/2012 đến ngày 24/10/2025, lãi suất 10%/năm.

- *Theo bị đơn bà Trần Thị C trình bày:* Trước đây bà và chồng là ông Võ Văn H1 có vay tiền của bà Nguyễn Thị H nhiều lần và bà có vay thêm của bà H số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng và lấy sổ đỏ về. Do đó bà, ông H1 và bà H có làm “Biên bản thỏa thuận ngày 28/8/2013” nội dung vợ chồng bà còn nợ tiền vay của bà H là 800.000.000 đồng và 100.000.000 đồng mà bà vay của bà H để chuộc sổ đỏ, đồng thời thỏa thuận việc bán đất để trừ nợ. Tuy nhiên phần đất đang tranh chấp nên không bán được. Đồng thời hai bên có thỏa thuận bà có giao cho bà H tạm giữ 02 sổ đỏ. Hiện tại bà Nguyễn Thị H đã giữ hai sổ đỏ này. Năm 2014, bà H có thừa yêu cầu trả nợ; Ban nhân dân ấp Thị Trấn A và bà có cam kết khi nào bà bán được đất thì sẽ trả nợ cho bà H và bà H đồng ý. Hiện tại đất của bà vẫn đang tranh chấp nên chưa bán đất trả nợ cho bà H được. Khi làm biên bản thỏa thuận ngày 28/8/2013, hai bên không thỏa thuận gì về tiền lãi. Đến năm 2018, bà và bà H có thỏa thuận với nhau về việc bà sẽ trả nợ gốc cho bà H cho số tiền 100.000.000 đồng. Từ năm 2018 đến ngày 28/6/2025, bà đã trả cho bà H được tổng số tiền 60.800.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thì bà đồng ý với số tiền vay 800.000.000 đồng và bà đồng ý trả số tiền này. Đối với số tiền 100.000.000

đồng, sau khi cân trừ số tiền đã trả là 60.800.000 đồng, bà đồng ý trả 39.200.000 đồng. Như vậy, bà chỉ đồng ý trả tổng số tiền vay gốc 839.200.000 đồng. Không đồng ý trả lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2026/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026, của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Võ Văn H1, bà Trần Thị C đối với số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 02/12/2014 đến ngày xét xử của số tiền 800.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 02/12/2014 đến ngày 24/10/2025 của số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm.

Buộc ông Võ Văn H1, bà Trần Thị C trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng, tiền lãi 941.033.330 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 28/8/2013 đến ngày 01/12/2014 của số tiền 800.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 29/5/2012 đến ngày 01/12/2014 của số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí, quyền thoả thuận thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13/02/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 12/02/2026, bị đơn ông Võ Văn H1, bà Trần Thị C kháng cáo: Yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị C thay đổi yêu cầu kháng cáo: Bà C chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền gốc 839.200.000 đồng (900.000.000 đồng tiền vay gốc, trừ đi số tiền 60.800.000 đồng bà đã trả). Không đồng ý trả lãi suất.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Võ Văn H1, bà Trần Thị C; Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Cà Mau. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Võ Văn H1, bà Trần Thị C hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 278, Điều 280 và Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn bà C thay đổi yêu cầu kháng cáo từ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn sang chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn tiền vay gốc 839.200.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, theo quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Võ Văn H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông H1, theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Trần Thị C và ông Võ Văn H1 trả số tiền vay gốc 900.000.000 đồng (trong đó tiền vay là 800.000.000 đồng, tiền cho vay để chuộc sổ đỏ là 100.000.000 đồng)

Bà H yêu cầu tính tiền lãi số tiền 800.000.000 đồng từ ngày 28/8/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 10%/năm.

Số tiền 100.000.000 đồng bà H yêu cầu tính lãi kể từ ngày 29/5/2012 đến ngày 24/10/2025, lãi suất 10%/năm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông H1, bà C:

[3.1] Các đương sự đều thừa nhận, bà Trần Thị C và ông Võ Văn H1 có vay tiền của bà Nguyễn Thị H 900.000.000 đồng, thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Bà C và ông H1 cho rằng, ban đầu ông, bà vay tiền của bà H, nhưng sau đó đã thoả thuận ông, bà sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H để trừ nợ, nên ông, bà không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà H. Bà H cũng thừa nhận các bên có thoả thuận số tiền vay 900.000.000 đồng sẽ được trừ một phần vào việc chuyển nhượng đất từ ngày thoả thuận 28/8/2013. Xét thấy, mặc dù các bên thoả thuận số tiền vay sẽ được trừ vào số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nguyên đơn sẽ không tính lãi suất. Tuy nhiên, do diện tích đất chuyển nhượng đang tranh chấp, nên các bên không thực hiện đúng như thoả thuận. Ngày 02/12/2014, bà Nguyễn Thị H đã khởi kiện ông H1 và bà C ra Ủy ban nhân dân ấp Thị Trấn A, xã H, tỉnh Cà Mau để yêu cầu trả lại tiền vay và tại biên bản này bà C cũng cam kết sẽ trả nợ cho bà H2 (bút lục 01). Xét từ ngày 02/12/2014, các bên đã phát sinh tranh chấp về số tiền vay. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu bà C và ông H1 ngoài trả tiền gốc còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[3.3] Các đương sự đều thống nhất từ lúc hoà giải tại Ban nhân dân ấp Thị Trấn A đến nay, bà C có trả cho bà H số tiền 60.800.000 đồng. Bà C cho rằng số tiền này là bà trả cho số tiền gốc 100.000.000 đồng. Ngoài lời trình bày của bà C là trả tiền vay gốc, bà H không thừa nhận. Bà C và ông H1 không có chứng cứ nào khác chứng minh đã trả số tiền 60.800.000 đồng là trả tiền vay gốc, nên Hội

đồng xét xử không chấp nhận cản trở vào số tiền gốc ông H1 và bà C có trách nhiệm trả cho bà H.

[3.4] Từ những lập luận trên, cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu được trả lãi trên số vay gốc 800.000.000 đồng từ ngày 28/8/2013 đến ngày 01/12/2014 và lãi trên số tiền gốc 100.000.000 đồng từ ngày 29/5/2012 đến ngày 01/12/2014, với mức lãi suất 10%/năm: Căn cứ vào biên bản thoả thuận ngày 28/8/2013 (bút lục 02) và các chứng cứ đương sự giao nộp không thể hiện mức lãi suất các bên thoả thuận. Ngoài lời trình bày, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác có thoả thuận lãi suất. Do đó, cấp sơ thẩm xác định hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, không lãi suất và thời hạn tính lãi suất kể từ ngày phát sinh tranh chấp (02/12/2014) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 hoàn toàn có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn trả lãi từ thời hạn trên là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích tại mục [3], [4], không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, vấn đề này bà C chưa yêu cầu Toà án cấp sơ thẩm giải quyết, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà C và ông H1 được quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác để yêu cầu bà H trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn không được chấp nhận kháng cáo, nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà H, ông H1 và bà C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí (bút lục 173, 158, 159), nên được miễn toàn bộ, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 2 của Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên toà có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm b, c khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn H1, bà Trần Thị C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2026/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7- Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đòi bị đơn ông Võ Văn H1, bà Trần Thị C trả tiền vay gốc 900.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 02/12/2014 đến ngày xét xử (30/01/2026) của số tiền gốc 800.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 02/12/2014 đến ngày 24/10/2025 của số tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm.

1.1. Buộc ông Võ Văn H1, bà Trần Thị C trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), tiền lãi 941.033.330 đồng (Chín trăm bốn mươi một triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi đồng).

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đòi bị đơn trả tiền lãi từ ngày 28/8/2013 đến ngày 01/12/2014 của số tiền gốc 800.000.000 đồng (T1 trăm triệu đồng), trả tiền lãi từ ngày 29/5/2012 đến ngày 01/12/2014 của số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất 10%/năm.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được miễn nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch.

3.2. Bị đơn ông Võ Văn H1 và bà Trần Thị C được miễn nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch.

3.3. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Võ Văn H1 và bà Trần Thị C được miễn nộp án phí phúc thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 7 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phan Công Trí